

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – G
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03-12-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tố
Ông Cao Hữu Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh ngày 07/10/1992; Căn cước công dân số 0...; quê quán: Phường H, tỉnh G; nơi thường trú: Số nhà F, Đường V, khu phố T, phường H, tỉnh G; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B (nay là phường H, tỉnh G). (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Á, sinh ngày 28/5/1989; Căn cước công dân số 0...; quê quán: Phường H, tỉnh G; nơi thường trú: Số nhà A, Đường V, khu phố T, phường H, tỉnh G; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B (nay là phường H, tỉnh G). (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà T trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông Á kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian chung sống bà và ông Á có nhiều bất đồng quan

điểm, không có tiếng nói chung, hay cãi vã và không có hạnh phúc. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông Á. Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Tường A sinh ngày 13/4/2017 và Nguyễn Đức A1 sinh ngày 01/9/2023. Khi ly hôn, bà T xin nuôi cháu Nguyễn Tường A và ông Á nuôi cháu Nguyễn Đức A1. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không có.

- *Tại Văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, bị đơn ông Á trình bày:* Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn bà T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Tường A sinh ngày 13/4/2017 và Nguyễn Đức A1 sinh 01/9/2023. Khi ly hôn, ông đồng ý mỗi người nuôi một con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con như yêu cầu của bà T. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu chia.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – G:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Tường A cho bà T nuôi dưỡng, giao cháu Đức A1 cho ông Á nuôi dưỡng; bà T phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà T yêu cầu ly hôn ông Á, yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố T, phường H, tỉnh G nên theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 - G có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông Á đề nghị xét xử vắng mặt nên theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà T và ông Á đã không còn chung sống với nhau, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn, bà T và ông Á cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Bà T yêu cầu ly hôn thì ông Á cũng đồng ý. Có thể thấy, hôn nhân giữa bà T và ông Á đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà T ly hôn ông Á.

[4] Về con chung: Bà T và ông Á đều thống nhất mỗi người sẽ nuôi dưỡng một con chung. Cháu Nguyễn Tường A sinh ngày 13/4/2017 là con gái nên giao cháu cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và cũng đúng theo nguyện vọng của cháu. Cháu Nguyễn Đức A1 sinh 01/9/2023 giao cho ông Á chăm sóc nuôi

dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Bà T và ông Á đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[6] Về tài sản, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị T. Cho ly hôn giữa bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn Á.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường A sinh ngày 13/4/2017 cho bà Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Đức A1 sinh 01/9/2023 cho ông Nguyễn Văn Á trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn Á không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các tÁi viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản, nợ chung: Không có yêu cầu.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003637 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G nên được khấu trừ, bà T đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng